

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST
Ngày 29 – 9 – 2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Nguyễn Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST- DS, ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mã Hà Bửu N – Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Tạ Văn H, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị L (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà Trương Thị B, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N là ông Mã Hà Bửu N trình bày:*

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm sú công nghiệp ông Tạ Văn H và Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng có ký hợp đồng tín dụng số: 7613-LAV-201900294/HĐTD ngày 26/02/2019 với hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng và ký hợp đồng thế chấp tài sản số 128.9.AT3/HĐTC ngày 22/02/2019 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng số: 7613LAV201900294/HĐTD ngày 26/02/2019.

Ngày 26/02/2019, ông Tạ Văn H đã nhận tiền vay 200.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 26/02/2019, lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Định kỳ trả gốc như sau: Ngày 26/02/2020 trả gốc 10.000.000 đồng. Ngày 26/02/2021 trả gốc 10.000.000 đồng. Ngày 26/02/2022 trả gốc 180.000.000 đồng. Lãi được trả cùng kỳ với gốc.

Đến ngày 13/12/2020 ông H chưa trả được phần lãi cho Ngân hàng cụ thể số tiền là 52.701.370 đồng. Còn phần gốc ông H vẫn chưa trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201900294 đã ký cụ thể số tiền là 10.000.000 đồng. (Ngày 26/02/2020 trả 10.000.000 đồng.) đến nay đã quá hạn. Tính đến ngày 13/12/2020 ông Tạ Văn H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi cụ thể như sau: Gốc: 200.000.000 đồng, lãi: 52.701.370 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi là: 252.701.370 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xem xét, buộc ông Tạ Văn H có trách nhiệm phải trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201900294 ngày 26/02/2019 cho Ngân hàng N tạm tính đến ngày 29/9/2021 tổng cộng nợ gốc cộng lãi là 241.326.028 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Tạ Văn H không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng đề nghị Tòa án phát mại tài sản thế chấp quyền sử dụng đất số CN 6, có diện tích S m², thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và quyền sử dụng đất số CN 6, có diện tích S m², thuộc thửa đất số A tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã ký thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128.9.AT3/HĐTC ngày 22/02/2019 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng với ông Tạ Văn H.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Tạ Văn H trình bày:* Bị đơn ông Tạ Văn H thừa nhận còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2021 là 241.326.028 đồng (trong đó vốn gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 41.326.028 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2021 đến khi ông H trả hết nợ gốc và lãi, nhưng do hoàn cảnh gia đình bị đơn gặp khó khăn nên xin nguyên đơn cho trả dần chia làm ba lần trả như sau: Lần thứ nhất tháng 11/2021 trả 80.000.000 đồng; lần thứ hai tháng 11/2022 trả 80.000.000 đồng; lần thứ ba tháng 11/2023 trả số tiền nợ còn lại. Trường hợp ông Tạ Văn H, không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C, thì ông H đồng ý việc phát mại tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất số CN 6, có diện tích S m², thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và quyền sử dụng đất số CN 6, có diện tích S m², thuộc thửa đất số A tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128.9.AT3/HĐTC ngày 22/02/2019 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C với ông Tạ Văn H để Ngân hàng thu hồi nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị B trình bày:* Bà Trương Thị B đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, nên bà Bào đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, nhưng bà B không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, nên bà L đã biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, nhưng bà L không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng N và bà L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.*

** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày 29/9/2021 là 41.326.028 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông H trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Tạ Văn H, không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C, đề nghị Tòa án phát mại tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất số CN 6, có diện tích S m², thuộc thửa đất số

A, tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và quyền sử dụng đất số CN 6, có diện tích $5m^2$, thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128.9.AT3/HĐTC ngày 22/02/2019 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C với ông Tạ Văn H để Ngân hàng thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 của Ngân hàng N (tổ chức có đăng ký kinh doanh) yêu cầu bị đơn ông Tạ Văn H (cá nhân không có đăng ký kinh doanh) trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là để nuôi tôm sú công nghiệp. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 471 của Bộ luật Dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai và bà L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, ông Mã Hà Bửu N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền vay gốc trong hợp đồng, Ngân hàng N yêu cầu ông H chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2021 là 41.326.028 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông H trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì yêu cầu xử lý phát mại tài sản mà ông H đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 128.9.AT3/HĐTC, ngày 22/02/2019 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Mã Hà Bửu N và bị đơn ông Tạ Văn H cùng thống nhất xác định là có việc Ngân hàng N có hợp đồng cho ông Tạ Văn H vay tiền theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201900294 ngày 26/02/2019 và có việc ông H thế chấp tài

sản để bảo đảm cho hợp đồng vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128.9.AT3/HĐTC ngày 22/02/2019. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện Ngân hàng N không cần phải chứng minh.

[2.3] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201900294 ngày 26/02/2019 của Ngân hàng N:

Vào ngày 26/02/2019 Ngân hàng N có hợp đồng cho ông Tạ Văn H vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi tôm sú công nghiệp, lãi suất vay 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay, thời hạn vay 36 tháng theo hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201900294 ngày 26/02/2019 giữa Ngân hàng N với ông H. Sau khi hợp đồng thì ông H có trả tiền lãi một thời gian rồi ngưng trả, khi đến hạn trả tiền gốc ông H không trả theo hợp đồng. Tính đến ngày 29/9/2021 ông H còn nợ Ngân hàng N số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi là 41.326.028 đồng.

Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Ông H trực tiếp ký hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201900294 ngày 26/02/2019, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng N đã giải ngân cho ông H nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng, cho nên có đủ căn cứ xác định hợp đồng tín dụng này có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký.

Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét về lỗi: Ông H thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, vì vậy ông H là bên có lỗi và là bên vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông H chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 29/9/2021 là 41.326.028 đồng, tổng cộng là 241.326.028 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông H trả hết nợ cho Ngân hàng.

[2.4] Về yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128.9.AT3/HĐTC ngày 22/02/2019 của Ngân hàng N:

Ông Tạ Văn H thế chấp cho Ngân hàng N gồm: Quyền sử dụng đất số CN 6, có diện tích Sm^2 , thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp A, xã B,

huyện C, tỉnh Sóc Trăng và quyền sử dụng đất số CN 6, có diện tích Sm^2 , thuộc thửa đất số A tờ bản đồ số B, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128.9.AT3/HĐTC ngày 22/02/2019 được ký kết giữa Ngân hàng N với ông Tạ Văn H.

Xét thấy: Ông H trực tiếp ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng này xác lập trên cơ sở tự nguyện, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng phù hợp theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 500 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự, Điều 166 và Điều 167 của Luật đất đai, nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký. Vì vậy, việc Ngân hàng N yêu cầu phát mại tài sản thế chấp khi ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 103, Điều 299, Điều 320, Điều 322 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của ông Tạ Văn H xin trả dần chia làm ba lần trả: Lần thứ nhất vào tháng 11/2021 trả 80.000.000 đồng; lần thứ hai vào tháng 11/2022 trả 80.000.000 đồng; lần thứ ba vào tháng 11/2023 trả số tiền nợ còn lại, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Tạ Văn H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 900.000 đồng, số tiền này Ngân hàng N đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số T25 ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc ông H phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Tạ Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 103, Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều

357, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166, Điều 166 và Điều 188 của Luật đất đai; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu ông Tạ Văn H có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng N.

Buộc ông Tạ Văn H chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền gốc 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) và lãi tính đến ngày 29/9/2021 là 41.326.028 đồng (*bốn mươi một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám đồng*). Tổng cộng tiền gốc và lãi là 241.326.028 đồng (*hai trăm bốn mươi một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 30/9/2021 ông Tạ Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Tạ Văn H phải tự nguyện trả số tiền nêu trên; nếu ông H không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 128.9.AT3/HĐTC ngày 22/02/2019 giữa Ngân hàng N với ông Tạ Văn H để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Tạ Văn H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*), số tiền này Ngân hàng N đã nộp tạm ứng theo phiếu thu số

T25 ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, buộc ông H phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tạ Văn H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.066.301 đồng (*mười hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm lẻ một đồng*); Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.317.000 đồng (*sáu triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006985 ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hường